

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 780/2025/DS-PT

Ngày: 15/12/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 584/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 676/2025/QĐ-PT ngày 30/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 408/2025/QĐ-PT ngày 08/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A, đường số F L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (Nay là khu phố H, phường H, tỉnh Tây Ninh) (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp N, phường N, tỉnh Tây Ninh).

Nơi cư trú hiện nay: Số A, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của anh H là anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1985. Cư trú tại: Số H, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh) (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 10-02-2025); (Có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày:

Anh P có mối quan hệ quen biết với anh H. Anh P có cho anh H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 12-11-2023, anh H vay 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng, tiền lãi là 3.000.000 đồng/tháng, thoả thuận trong tháng 12 năm 2023 anh H sẽ trả lại tiền cho anh P. Anh H có viết giấy nợ cho anh P.

- Lần 2: Ngày 19-11-2023, anh H vay 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng, tiền lãi là 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn cho vay là 03 tháng (từ ngày 19-11-2023 đến ngày 19-02-2024). Anh H có viết giấy nợ cho anh P.

Tại phiên toà sơ thẩm, anh P xác định khi vay tiền thì hai bên không có thoả thuận lãi suất. Anh H không có cầm cố, thế chấp tài sản hay đưa giấy tờ gì cho anh P để làm tin. Từ ngày vay đến nay, anh H không trả cho anh P khoản tiền nào. Ngoài khoản vay 200.000.000 đồng nêu trên, anh P không cho anh H vay khoản tiền nào khác. Đối với những khoản tiền anh H chuyển khoản cho anh P là tiền làm ăn giao dịch giữa hai bên, đã giải quyết xong trước thời điểm anh H vay số tiền 200.000.000 đồng nêu trên. Việc anh P nhận chuyển nhượng của anh H quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 804, 805, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là giao dịch độc lập, không liên quan đến khoản vay 200.000.000 đồng nêu trên. Nay anh P khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ngoài ra, anh P không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn H do anh Nguyễn Đức C là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Anh H có mối quan hệ quen biết với anh P. Anh C xác định giấy nợ ngày 12-11-2023, số tiền 100.000.000 đồng và giấy nợ ngày 19-11-2023, số tiền 100.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Tấn H do anh P cung cấp cho Tòa án là do anh H tự nguyện viết và ký nhận nợ cho anh P nhưng thực chất đây không phải là tiền anh H vay của anh P mà là tiền lãi của số tiền 800.000.000 đồng mà anh H vay của anh P vào cuối năm 2022, cụ thể như sau: Anh H vay của anh P số tiền 800.000.000 đồng nhưng anh H chỉ thực nhận 760.000.000 đồng do anh P đã khấu trừ số tiền lãi của tháng đầu tiên là 40.000.000 đồng (tính theo thỏa thuận của hai bên về lãi suất là 5%/tháng). Anh P có giao tiền mặt cho anh H là 500.000.000 đồng và chuyển khoản cho anh H số tiền 260.000.000 đồng. Khoản vay 800.000.000 đồng nêu trên hai bên không có viết giấy nợ. Khi vay số tiền 800.000.000 đồng, anh H có thể chấp cho anh P 02 phần đất thông qua hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng với anh P, cụ thể như sau:

- Ngày 19-01-2023, anh H ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh P, chị T phần đất diện tích 421,5 m², thuộc thửa đất số 805, tờ bản đồ số 02, lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh H đứng tên), hợp đồng được công chứng số 237, quyền số 01/2023 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 19-01-2023 tại Văn phòng C1. Anh P, chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ngày 19-01-2023, chị Phạm Thị T1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh P, chị T phần đất diện tích 429,3 m², thuộc thửa đất số 804, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do người quen của anh H là chị Phạm Thị T1 đứng tên giùm), hợp đồng được công chứng số 236, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-01-2023 tại Văn phòng C1.

Anh P, chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên thỏa thuận sau một năm kể từ ngày vay thì anh H sẽ trả lại cho vợ chồng anh P số tiền vay gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, vợ chồng anh P trả lại cho anh H 02 quyền sử dụng đất nêu trên. Đối với khoản vay 800.000.000 đồng nêu trên, tính đến ngày 17-11-2023 anh H đã đóng lãi cho anh P được 305.000.000 đồng (thông qua hình thức chuyển khoản) cộng với tiền lãi tháng đầu tiên mà vợ chồng anh P đã khấu trừ là 40.000.000 đồng, như vậy tổng cộng số tiền lãi anh P đã nhận của khoản vay 800.000.000 đồng nêu trên là 345.000.000 đồng.

Sau đó, anh H gặp khó khăn trong công việc làm ăn không có tiền trả lãi tiếp

cho anh P nên anh P nhấn tin chữ bới và xúc phạm nên anh H mới viết giấy nhận nợ của anh P số tiền 200.000.000 đồng nêu trên, thực chất đây là số tiền nợ lãi của số tiền vay 800.000.000 đồng tính đến ngày 12-11- 2023 và 19-11-2023. Trong vụ án này, anh H không có yêu cầu phản tố đối với anh P và chị T, anh H sẽ khởi kiện ở vụ án khác khi có tranh chấp. Nay anh H không đồng ý trả cho anh P số tiền nêu trên. Ngoài ra, anh H không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã xử (tóm tắt):

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P đối với anh Nguyễn Tấn H về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Nguyễn Tấn H trả cho anh Trần Thanh P số tiền 230.917.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 30.917.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án; Quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định. Quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 26/8/2025, bị đơn anh Nguyễn Tấn H kháng cáo tòa bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm,

Anh Nguyễn Đức C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Tấn H trình bày: Anh P đang khởi kiện anh H trả 200.000.000 đồng chỉ là tiền lãi của số tiền 800.000.000 đồng mà anh H đã vay của anh P trước đó. Trên thực tế, anh H không có vay số tiền 200.000.000 đồng từ anh P. Số tiền 800.000.000 đồng này là tiền anh H đã thế chấp 02 phần đất diện tích 421,5 m² thửa đất 805 tờ bản đồ 02 (do tôi đứng tên) và diện tích 429,3 m² thửa đất 804 tờ bản đồ 02 (cho chị Phạm Thị T1 đứng tên) mà anh H đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm. Anh P đã nhấn tin và thừa nhận việc viết giấy nợ 200.000.000 đồng này là để làm chứng cứ cho anh P trình bày với gia đình anh P, chứ không có sự việc vay mượn nào hết (các chứng cứ zalo đã cung cấp cho Tòa) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không xem xét rõ ràng nên dẫn đến quyết định trong bản án làm ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến quyền lợi và trách nhiệm của anh H. Thời điểm trước khi xảy ra tranh chấp, anh P đã nhiều lần đến quán café của ông H để chửi tục gây mất trật tự làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh và danh dự của anh H. Đồng thời, những người xung quanh làm chứng thể hiện rõ anh P tới quán xá của anh H để đòi lại số nợ 800.000.000 đồng trước đây chứ không có khoản nợ 200.000.000 đồng như trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không làm rõ nguồn gốc của số tiền 200.000.000 đồng có từ đâu mà chỉ căn cứ vào 02 tờ giấy nợ mà anh H bị ép buộc ký vào để buộc anh H trả tiền vay cho anh P là không công bằng. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh H, cải sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh P.

Nguyên đơn ông Trần Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tấn H đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của bị đơn anh H là không có căn cứ để chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tấn H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Trần Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn anh Nguyễn Tấn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ theo Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung của bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh P và bị đơn đang cư trú tại phường B, tỉnh Tây Ninh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: các giao dịch đang có tranh chấp được xác lập vào ngày 12/11/2024 và ngày 19/11/2024 và đang thực hiện đến năm 2025. Do đó, cần căn cứ pháp luật về dân sự đang có hiệu lực trong quá trình xác lập giao dịch để giải quyết tranh chấp, cụ thể: áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[6] Xét bản chính Giấy nợ ngày 12-11-2023, số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 03 tháng và giấy nợ ngày 19-11-2023, số tiền vay 100.000.000 đồng thời hạn trả nợ là trong tháng 12 do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn thừa tự nguyện viết và ký nhận nợ cho nguyên đơn. Đồng thời, trong giấy nợ có thể hiện thời hạn trả nợ nhưng không thể hiện lãi suất, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thừa nhận số tiền 200.000.000 đồng nêu trên là tiền vay nên không trình bày về lãi suất, nguyên đơn trình bày khi vay hai bên không thoả thuận về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[7] Bị đơn xác định khoản nợ 200.000.000 đồng nêu trên là số tiền chốt lãi của khoản vay 800.000.000 đồng trước đó bị đơn đã vay của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Bị đơn cung cấp đoạn thoại thoại zalo giữa nguyên đơn và bị đơn (từ bút lục 72 đến bút lục 80) nhưng không có nội dung nào thể hiện rằng nguyên đơn thừa nhận việc viết giấy nợ hai lần 100.000.000 đồng là tiền chốt lãi của khoản tiền vay 800.000.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác cho lời trình bày của bị đơn là có căn cứ. Đồng thời, bị đơn cung

cấp chứng từ chuyển khoản sao kê số tiền chuyển khoản cho nguyên đơn nhưng không thể hiện nội dung chuyển khoản là tiền gì và nguyên đơn chỉ thừa nhận những khoản tiền này là tiền làm ăn giao dịch giữa hai bên, đã giải quyết xong trước thời điểm bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng nêu trên. Mặc khác, thời điểm chuyển khoản diễn ra trước thời điểm vay hai lần số tiền 100.000.000 đồng nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét theo lời trình bày của bị đơn.

[8] Từ những phân tích tại các đoạn [6], [7], Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn có vay nguyên đơn hai lần tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng vay là 200.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thời hạn trả nợ do các bên thỏa thuận và áp dụng mức lãi suất 10%/năm để buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

[9.1] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 12-11-2023, tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 01-01-2024 đến ngày 13-8-2025 là: 19 tháng 12 ngày x 10%/năm x 100.000.000 đồng = 16.167.000 đồng;

[9.2] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 19-11-2023, tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 20-02-2024 đến ngày 13-8-2025 là: 17 tháng 21 ngày x 10%/năm x 100.000.000 đồng = 14.750.000 đồng;

[10] Bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tấn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P đối với anh Nguyễn Tấn H về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc anh Nguyễn Tấn H trả cho anh Trần Thanh P số tiền 230.917.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 30.917.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Anh Nguyễn Tấn H chịu 11.546.000 đồng.

2.2 Anh Trần Thanh P không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.650.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008370 ngày 09-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Tây Ninh).

3. Về phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003705 ngày 29/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Tấn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 10 –Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tiền Phương